

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
PHÚ PHONG**

HN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 37
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1997 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08 tháng 01 năm 2014.

Công ty đã chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 2006 theo quyết định số 44/GĐ-TTGDHN ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã Chứng khoán là PPG.

Hình thức sở hữu: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo đăng ký là: 73.425.000.000 đồng.

2. Tên giao dịch, trụ sở hoạt động

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Phu Phong Corporation
- Trụ sở chính đặt tại: Lô số 4, đường B, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật. Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hóa. Đại lý ký gửi hàng hóa. Dịch vụ thương mại. Hoạt động xây dựng chuyên dụng. Kinh doanh bất động sản.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lương Trọng Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Quan Lương	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Vĩ Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Minh	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Hoài Thu	Thành viên HĐQT

4.2 Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Hòa	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Trường Thành Luân	Thành viên
Bà Lê Phương Dung	Thành viên

4.3 Ban Điều hành, quản lý

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Vĩ Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Hàng Thị Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Cao Sơn	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Quyền	Tổng Giám đốc	13/07/2015	
Bà Hàng Thị Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	13/07/2015	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016.

TM. Hội đồng quản trị



Số: /16/BCKT/AUD-VIETNHAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Nhân Bảo

Nguyễn Nhân Bảo

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0413-2013-088-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Lam Giang

Nguyễn Lam Giang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1750-2013-088-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		74.677.110.767	66.530.038.986
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.232.607.910	483.945.655
111	1. Tiền		1.232.607.910	483.945.655
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.061.515.772	13.240.056.548
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	15.239.962.986	13.726.930.403
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	466.260.204	157.965.055
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
	- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		-	-
	- Phải thu nội bộ khác		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	3.973.543.445	624.490.126
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(2.618.250.863)	(1.269.329.036)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	51.096.094.062	46.962.578.654
141	1. Hàng tồn kho		54.117.109.277	50.450.506.713
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.021.015.215)	(3.487.928.059)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.286.893.023	5.843.458.129
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7.a	4.236.299.626	4.868.683.013
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.272.727	199.786.096
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	62.630.879	63.944.382
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.8	984.689.791	711.044.638
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		77.928.899.474	86.766.636.513
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		65.576.869.537	73.714.458.593
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	59.884.737.881	67.836.554.229
222	- Nguyên giá		126.469.836.115	148.337.182.219
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.585.098.234)	(80.500.627.990)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	5.692.131.656	5.877.904.364
228	- Nguyên giá		8.545.544.404	8.545.544.404
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.853.412.748)	(2.667.640.040)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10.614.377.856	10.669.805.407
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	10.614.377.856	10.669.805.407
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.12	1.031.065.200	1.088.346.600
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.909.380.000	1.909.380.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(878.314.800)	(821.033.400)

260	VI. Tài sản dài hạn khác			706.586.881	1.294.025.913
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		V.7.b	692.586.881	1.277.025.913
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác			14.000.000	17.000.000
	VII. Lợi thế thương mại		V.13	2.940.615.493	3.528.738.587
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	(270 = 100 + 200)		155.546.625.734	156.825.414.086

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		143.879.568.807	120.802.089.020
310	I. Nợ ngắn hạn		143.217.621.352	95.914.894.901
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	11.847.079.001	10.427.478.335
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	1.271.585.169	1.507.966.522
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	599.050.131	117.009.840
314	4. Phải trả người lao động	V.17	1.965.615.864	1.889.028.340
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	3.183.320.718	661.224.792
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	11.514.374.968	15.421.209.898
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20.1	112.588.135.376	65.639.817.049
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	248.460.125	251.160.125
330	II. Nợ dài hạn		661.947.455	24.887.194.119
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22	176.534.722	24.336.534.722
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
333	2. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
342	7. Dự phòng phải trả dài hạn		485.412.733	550.659.397
318	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D- VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.667.056.927	36.023.325.066
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	11.667.056.927	36.023.325.066
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		73.425.000.000	73.425.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		73.425.000.000	73.425.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.661.465.980	6.661.465.980
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.020.632.420)	(2.020.632.420)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		10.132.361.616	10.132.361.616
420	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(76.531.138.249)	(52.174.870.110)
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước			
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		155.546.625.734	156.825.414.086

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN CAO SƠN

Tổng Giám Đốc



TRẦN VĨ QUYỀN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	197.077.654.661	181.693.425.805
02	2. Các khoản giảm trừ		227.660.867	1.264.099.720
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		196.849.993.794	180.429.326.085
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	189.449.076.833	168.238.504.359
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.400.916.961	12.190.821.726
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	54.767.102	284.800.155
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	9.971.295.439	8.868.057.235
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.802.008.575	8.729.735.961
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	7.579.360.005	11.871.485.745
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	14.305.800.883	11.984.501.916
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.400.772.264)	(20.248.423.015)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	74.866.220	1.508.360.069
32	12. Chi phí khác	VI.8	30.362.098	294.783.063
40	13. Lợi nhuận khác		44.504.122	1.213.577.006
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(24.356.268.142)	(19.034.846.009)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(24.356.268.142)	(19.034.846.009)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.12	(3.450)	(2.696)

Người lập biểu



Kế toán trưởng



TRẦN CAO SON

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám Đốc



TRẦN VĨ QUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(34.558.414.892)	(19.034.846.009)
	2. Điều chỉnh các khoản		(2.065.443.483)	17.809.409.928
02	- Khấu hao tài sản cố định		(13.729.757.048)	8.820.955.078
03	- Các khoản dự phòng		11.664.313.565	736.063.922
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(50.409.164)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(426.935.869)
06	- Chi phí lãi vay		-	8.729.735.961
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(36.623.858.375)	(1.225.436.081)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.298.068.247	7.176.080.745
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.666.602.564)	298.157.894
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(13.676.339.601)	(5.771.807.144)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.216.822.419	487.392.585
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(9.051.673.506)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(507.819.853)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.700.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(43.962.429.727)	(8.087.285.507)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		21.922.773.655	(222.976.422)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	309.090.908
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	117.844.961
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		21.922.773.655	203.959.447
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		223.589.588.055	207.903.476.398
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(200.801.269.728)	(200.055.792.795)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.788.318.327	7.847.683.603
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		748.662.255	(35.642.457)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		483.945.655	521.113.356
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(1.525.244)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.232.607.910	483.945.655

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Kế toán trưởng



TRẦN CAO SON



TRẦN VỊ QUYỀN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Phú Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật.
- Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hóa.
- Đại lý ký gửi hàng hóa và dịch vụ thương mại.
- Hoạt động xây dựng chuyên dùng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Kính Phú Phong (*)	Lô A4-A5 khu CN Mỹ Phước 1, Phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh kính	100%	100%	100%

(*) Công ty TNHH MTV Kính Phú Phong đang xin phá sản theo giấy báo nhận đơn khởi kiện số 02/GB-TA ngày 23/06/2015 của Tòa Án Nhân Dân Thị Xã Bến Cát Tỉnh Bình Dương.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SX TM DV Phú Phong và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	126.667.179	42.125.946
- Tiền gửi ngân hàng (*)	1.098.750.452	441.819.709
Cộng	<u>1.232.607.910</u>	<u>483.945.655</u>

(*) bao gồm

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền gửi ngân hàng bằng VND	1.038.939.833	426.941.272
- Tiền gửi ngân hàng bằng USD	59.553.789	9.307.981
- Tiền gửi ngân hàng bằng EUR	256.830	5.570.456
Cộng	<u>1.098.750.452</u>	<u>441.819.709</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Kim loại Ta Cheng	2.349.017.529	3.150.863.225
- Công ty TNHH Sản xuất Quân Đạt	1.412.233.003	572.050.253
- Công ty TNHH TMSX Hoàng Thiện II	1.355.980.720	1.808.601.971
- Công ty Cổ phần Smart	1.057.297.322	103.132.901
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>9.065.434.412</i>	<i>8.092.282.053</i>
Cộng	<u>15.239.962.986</u>	<u>13.726.930.403</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Shenzhen Unite Trade Import & Export Co.,Ltd	347.832.268	-
- Trả khác	118.427.936	157.965.055
Cộng	<u>466.260.204</u>	<u>157.965.055</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu Trần Vĩ Quyền	3.000.000.000	4.644.928
- Công ty TNHH Phát triển Công Nghệ Kính Nhật Minh	354.750.000	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Indevco	123.880.830	58.220.223
- Phải thu khác	494.912.615	561.624.975
Cộng	<u>3.973.543.445</u>	<u>624.490.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Dự phòng phải thu khó đòi

Công ty đã thực hiện trích dự phòng theo Quyết định Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Chi tiết:

	Số tiền
Số dư đầu năm (1)	1.269.329.036
Tăng do trích lập năm nay (2)	1.420.743.624
Giảm do hoàn nhập năm nay (3)	71.821.797
Cộng (1)+(2)-(3)	2.618.250.863

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	11.738.496.633	(1.559.373.414)	13.547.381.043	(1.694.970.979)
- Công cụ, dụng cụ	4.169.193.599	-	2.191.014.015	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.121.915.740	(60.246.575)	463.574.003	(46.779.521)
- Thành phẩm	13.081.960.725	(1.104.888.925)	19.185.511.446	(827.163.124)
- Hàng hóa (*)	22.005.542.580	(296.506.301)	15.063.026.206	(919.014.435)
Cộng	54.117.109.277	(3.021.015.215)	50.450.506.713	(3.487.928.059)

(*) Hàng hóa chủ yếu là kính và sử dụng để được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí quyền sử dụng đất (*)	3.918.870.660	4.024.786.083
- Chi phí dụng cụ chờ phân bổ	116.485.615	317.409.747
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	200.943.351	526.487.183
Cộng	4.236.299.626	4.868.683.013

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua vật tư sửa chữa nhà cửa	185.449.106	104.032.418
- Chi phí sửa chữa bảo trì máy và nhà cửa	321.354.635	501.860.231
- Chi phí trả trước dài hạn khác	185.783.140	671.133.264
Cộng	692.586.881	1.277.025.913

(*) Giá trị quyền sử dụng đất số AB 179953 ngày 26 tháng 05 năm 2005 gồm thửa số lô A-4-CN, lô A-5-CN tại KCN Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, với diện tích 20.000 m², thời gian sử dụng đến tháng 6 năm 2052. Công ty nhận chuyển giao từ công ty TNHH SX TM DV Trường Phong theo quyết định tách Công ty ngày 20 tháng 10 năm 2010. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Tài sản ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tạm ứng của cá nhân.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trần Vĩ Quyền	185.449.106	375.738.384
- Ngô Xuân Uyển Nhi	193.230.054	131.431.895
- Trần Cao Sơn	130.553.000	31.860.000
- Tạm ứng và tài sản ngắn hạn khác	176.667.166	172.014.359
Cộng	<u>984.689.791</u>	<u>711.044.638</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	34.223.181.634	106.019.066.173	3.501.389.224	4.593.545.188	148.337.182.2
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	21.867.346.10
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>34.223.181.634</u>	<u>106.019.066.173</u>	<u>3.501.389.224</u>	<u>4.593.545.188</u>	<u>126.469.836.1</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.379.248.099	63.373.304.833	3.299.569.947	3.448.505.111	80.500.627.91
Tăng trong năm	1.602.209.424	5.517.182.243	101.819.275	730.605.406	7.951.816.34
- Khấu hao trong năm	1.602.209.424	5.517.182.243	101.819.275	730.605.406	7.951.816.34
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	21.867.346.10
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>11.981.457.523</u>	<u>68.890.487.076</u>	<u>3.401.389.222</u>	<u>4.179.110.517</u>	<u>66.585.098.21</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>23.843.933.535</u>	<u>42.645.761.340</u>	<u>201.819.277</u>	<u>1.145.040.077</u>	<u>67.836.554.21</u>
Số cuối năm	<u>21.943.153.202</u>	<u>37.427.150.006</u>	<u>268.757.884</u>	<u>245.676.789</u>	<u>59.884.737.81</u>

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.284.628.191 đồng.

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của tài sản cố định hữu hình đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn và dài hạn tại ngân hàng BIDV – CN Tây Sài Gòn, Ngân hàng Vietinbank và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.545.544.404	-	-	8.545.544.404
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	8.545.544.404	-	-	8.545.544.404
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.667.640.040	-	-	2.667.640.040
Tăng trong năm	185.772.708	-	-	185.772.708
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	2.853.412.748	-	-	2.853.412.748
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.877.904.364	-	-	5.877.904.364
Số cuối năm	5.692.131.656	-	-	5.692.131.656

Trong đó:

Giá trị quyền sử dụng đất 10.650m² đất tại lô 4 đường B, KCN Tân Tạo, Quận bình Tân, Tp.HCM với thời hạn sử dụng là 46 năm. Quyền sử dụng đất này được đảm bảo cho khoản vay ngắn và dài hạn tại ngân hàng BIDV.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào trong năm	Số cuối năm
Mua sắm máy móc thiết bị	10.614.377.856	-	-	10.614.377.856
Xây dựng cơ bản dở dang	55.427.552	-	55.427.552	-
Cộng	10.669.805.407	-	55.427.552	10.614.377.856

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Dự phòng	Số tiền	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Kính Phú Phong (*)	-	-	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (**)	1.909.380.000	(878.314.800)	1.909.380.000	(821.033.400)
Cộng	1.909.380.000	(878.314.800)	1.909.380.000	(821.033.400)

(*) Theo kế hoạch đầu tư ban đầu thì khoản đầu tư vào công ty TNHH MTV Kính Phú Phong dự kiến có khả năng thu lợi ích trong 3 năm. Công ty đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và cũng có doanh thu từ Q4/2011. Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty vẫn trong tình trạng lỗ và đồng thời đang xin phá sản theo giấy báo nhận đơn khởi kiện số 02/GB-TA ngày 23/06/2015 của Tòa Án Nhân Dân Thị Xã Bến Cát Tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(**) Công ty đầu tư vào ngân hàng Phương Đông bằng việc mua 190.938 cổ phiếu tương đương với số tiền 1.909.380.000 đồng (tương đương 10.000 đồng/cổ phần).

13. Lợi thế thương mại

Phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty TNHH MTV Kính Phú Phong

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lợi thế thương mại (*)	2.940.615.488	3.528.738.587
Cộng	2.940.615.488	3.528.738.587

(*) chi tiết số dư cuối kỳ

	<u>Số tiền</u>
Số dư đầu năm (1)	3.528.738.587
Phân bổ trong kỳ (2)	588.123.098
Số cuối kỳ (1)-(2)	2.940.615.488

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ phần tập đoàn Indevco	3.426.977.589	640.422.454
- Công ty TNHH TM SX Dịch vụ Hồng Quý	2.831.528.140	2.074.213.913
- Công ty TNHH TM Hóa chất Hồng Phong	1.288.344.242	210.607.186
- Công Ty Kính nổi Viglacera	941.737.786	1.834.315.693
- Các nhà cung cấp khác	3.358.491.244	5.667.919.089
Cộng	11.847.079.001	10.427.478.335

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ phần cửa Thái Bảo	312.163.917	1.187.288.144
- Nhà máy Nhôm Đông Anh	72.928.152	-
- Công ty TNHH SXTM và DV Lê Trần	68.014.000	-
- Các khách hàng khác	818.479.100	320.678.378
Cộng	1.271.585.169	1.507.966.522

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	114.795.483	-	693.708.389	(210.103.950)	598.399.922	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.742.651	-	-	-	6.742.651
- Thuế thu nhập cá nhân	2.214.357	34.349.390	76.975.454	(77.226.099)	650.209	33.035.887
- Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
- Phí và các khoản phải nộp khác	-	22.852.341	-	-	-	22.852.341
Cộng	117.009.840	63.944.382	776.683.843	(293.330.049)	599.050.131	62.630.879

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. Phải trả người lao động

Chi tiết:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lương còn phải trả người lao động	1.965.615.864	1.889.028.340
Cộng	<u>1.965.615.864</u>	<u>1.889.028.340</u>

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay còn phải trả	2.915.682.470	363.425.537
- Chi phí phải trả khác	267.638.248	297.799.255
Cộng	<u>3.183.320.718</u>	<u>661.224.792</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.555.902.975	7.259.271.755
- Công ty TNHH SX TM DV Trường Phong (*)	328.535.372	328.535.372
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	488.786.463	561.084.364
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	355.681.679	355.681.679
- Phải trả các cá nhân liên quan đến khoản tiền mượn (không hợp đồng, không lãi suất)	1.114.880.000	6.434.880.000
- Phải trả liên quan đến các khoản nợ phải trả của Công ty TNHH MTV KPP chuyển về cty	481.756.728	481.756.728
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	188.831.751	-
Cộng	<u>11.514.374.968</u>	<u>15.421.209.898</u>

(*) đây là khoản công nợ còn phải trả theo biên bản nhận chuyển giao công nợ được tách từ Công ty TNHH SX TM DV Trường Phong theo Quyết định tách công ty ngày 20 tháng 10 năm 2010.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát Triển (BIDV)- CN Tây Sài Gòn	69.773.802.477	87.758.958.979	44.486.733.318	44.486.733.318
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	829.176.397	829.176.397	4.998.300.065	4.998.300.065
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Bình Dương	41.985.156.502	41.985.156.502	15.994.783.666	15.994.783.666
Cộng	<u>112.588.135.376</u>	<u>112.588.135.376</u>	<u>65.639.817.049</u>	<u>65.639.817.049</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngân hàng BIDV (*)	44.486.733.318	188.701.095.456	(163.414.026.297)	69.773.802.477
Vay ngân hàng Vietinbank (**)	4.998.300.065	8.898.119.763	(13.067.243.431)	829.176.397
- Vay Ngân hàng VCB- CN Bình Dương (***)	15.994.783.666	35.035.156.039	(33.044.783.203)	17.985.156.502
- Vay dài hạn chuyển qua ngắn hạn	-	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	65.479.817.049	256.634.371.258	(209.526.052.931)	112.588.135.376

Trong đó:

(*) Ngân hàng BIDV

Vay từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- Chi nhánh Tây Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2015/72021/HĐTD ngày 17/07/2015 với hạn mức 70 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đối với VND 8,7%-9,5%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 635689, số vào sổ cấp GCN: CT35904 do UBND TPHCM cấp ngày 14/7/2014 tại địa chỉ Lô số 4, đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TPHCM; Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 83 đường Cách Mạng Tháng Tám, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM, số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là : 69.773.802.477 đồng.

() Ngân hàng Vietinbank**

Vay từ ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Tây Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng hạn mức 140270084/2014-HĐTDHM/NHCT923-CONGTYPHUPHONG ngày 20/10/2014 với hạn mức 05 tỷ đồng. Thời hạn vay cụ thể ghi trên từng giấy nhận nợ, có thời hạn không quá 12 tháng.

Mục đích vay: thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Tài sản đảm bảo: máy móc thiết bị, phương tiện vận tải trị giá 4.372.000.000 đồng, phương tiện giao thông trị giá 639.000.000 đồng, hàng tồn kho luân chuyển có giá trị không thấp hơn 5 tỷ đồng và khoản phải thu thương mại có giá trị là 15 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2015 là 829.176.397 đồng.

(*) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Bình Dương**

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 017B15.SMEs ngày 24 tháng 03 năm 2015, với hạn mức 14 tỷ đồng (bao gồm cả dư nợ cho vay của hợp đồng theo tín dụng theo hạn mức số 027B14 ngày 22 tháng 04 năm 2014). Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, gia công sản phẩm kính các loại. Thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày rút vốn cho đến khi trả hết nợ tính cho từng lần rút vốn được ghi trên Giấy ghi nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng, văn phòng, công trình, vật kiến trúc theo hợp đồng thế chấp số 001/252TT12 ngày 22 tháng 4 năm 2014, tài sản là máy móc thiết bị, trang thiết bị, trang thiết bị ngành kính theo hợp đồng thế chấp tài sản số 068TC14 ngày 23 tháng 04 năm 2014 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở của Ông Lê Mạnh – Bà Sầm Bửu Loan theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 069TT14 ngày 22 tháng 04 năm 2014, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 77.361.869.191 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17.985.156.502 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 3.000.000.000 đồng và theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn 017B.SMES số tiền 14.985.156.502 đồng.

- Khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 132D11 ngày 18 tháng 05 năm 2011, hợp đồng bổ sung số 04/HĐSDBS/NHNT-2013 ngày 04 tháng 01 năm 2013 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung 04/HĐSDBS/NHNT-2013 ngày 26 tháng 02 năm 2013 với số tiền được vay 40.000.000.000 đồng, thời hạn vay 81 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn trả gốc 12 tháng, thời gian trả nợ gốc 69 tháng và trả lãi 24 kỳ, trả 3 tháng/lần; lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10,5%/năm. Mục đích vay thanh toán các chi phí đầu tư tài sản (nhà xưởng, văn phòng, các công trình phụ khác, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...) thuộc dự án. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất KCN Mỹ Phước, nhà xưởng, nhà xưởng, văn phòng, các công trình phụ, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các trang thiết bị hình thành trong tương lai (hình thành từ vốn vay) thuộc dự án có giá trị dự kiến 92.454.417.000 đồng. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 24.000.000.000 đồng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	251.160.125	-	1.500.000	(4.200.000)	248.460.125
Cộng	251.160.125	-	1.500.000	(4.200.000)	248.460.125

22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay và nợ dài hạn (*)	176.534.722	24.336.534.722
Cộng	176.534.722	24.336.534.722

(*) Vay từ ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2012/HĐ ngày 14 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 815.000.000 đồng. Thời gian vay 60 tháng kể từ thời gian nhận nợ đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư mua 4 máy mài kính; lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11%/năm. Tài sản đảm bảo là 4 máy mài kính theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2012/HĐ ngày 14 tháng 12 năm 2012 với tổng tài sản thế chấp là 1.630.000.000 đồng và quyền sử dụng đất tại lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh. Số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 176.534.722 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty TNHH Sinh Nam Metal (VN)	7.200.000.000	9.8	7.200.000.000	9.8
- Trần Vĩ Quyền	5.027.000.000	6.8	5.027.000.000	6.8
- Huỳnh Ngọc Thanh	4.121.100.000	5.5	4.121.100.000	5.5
- Lương Trọng Tuấn	4.022.000.000	5.5	4.022.000.000	5.5
Vốn góp của các đối tượng khác	53.054.900.000		53.054.900.000	
Cộng	73.425.000.000	100	73.425.000.000	100

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp	
	73.425.000.000	73.425.000.000	-
Cộng	73.425.000.000	73.425.000.000	-

23c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	73.425.000.000	73.425.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	73.425.000.000	73.425.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

23d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	7.342.500	7.342.500
- Cổ phiếu phổ thông	7.342.500	7.342.500
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	(283.300)	(283.300)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.059.200	7.059.200
- Cổ phiếu phổ thông	7.059.200	7.059.200
- Cổ phiếu ưu đãi		

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

Đơn giá bình quân của cổ phiếu quỹ: 7.132 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	147.361.913.131	124.647.467.086
- Doanh thu bán thành phẩm	49.020.388.231	56.283.880.508
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.353.299	762.078.211
Cộng	<u>197.077.654.661</u>	<u>181.693.425.805</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa	137.763.602.203	119.111.872.863
- Giá vốn bán thành phẩm	51.307.225.446	47.686.845.320
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	148.966.523	735.982.770
- Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	229.282.660	703.803.406
Cộng	<u>189.449.076.833</u>	<u>168.238.504.359</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, ngân hàng	4.135.328	9.784.461
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	108.060.500
- Doanh thu tài chính khác	50.631.774	166.955.194
Cộng	<u>54.767.102</u>	<u>284.800.155</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	9.802.008.575	8.729.735.961
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	57.281.400	-
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá	112.005.464	138.321.274
	<u>9.971.295.439</u>	<u>8.868.057.235</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	4.857.332.108	6.657.428.015
- Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ	775.220.220	1.538.723.098
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.229.153	314.080.095
- Chi phí bảo hành sản phẩm	(65.246.664)	1.352.088.558
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	625.497.946	1.043.582.191
- Các chi phí khác	1.281.327.242	965.583.788
Cộng	<u>7.579.360.005</u>	<u>11.871.485.745</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.523.400.300	4.545.345.596
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	1.444.153.696	1.743.346.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.819.756.226	776.668.077
Thuế, phí và lệ phí	12.626.545	523.668.221
Chi phí trợ cấp mất việc làm		171.435.405
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.263.779.919	32.260.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.425.996.306	2.185.776.258
Chi phí bằng tiền khác	1.816.087.891	2.006.000.947
Cộng	<u>14.305.800.883</u>	<u>11.984.501.916</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		309.090.908
- Thu từ bồi thường, tiền phạt chậm trả, quá hạn thanh toán	1.600.000	219.102.076
- Thu nhập từ xử lý công nợ không phải trả	-	851.193.739
- Thu nhập từ hoàn thuế nhập khẩu		92.075.746
- Thu nhập khác	73.266.220	36.897.600
Cộng	<u>74.866.220</u>	<u>1.508.360.069</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi chậm thanh toán	-	20.740.115
- Hoàn nhập việc xử lý công nợ phải trả của năm trước	-	220.500.000
- Chi phí bằng tiền khác	30.362.098	53.542.948
Cộng	<u>30.362.098</u>	<u>294.783.063</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.889.803.299	72.206.186.744
- Chi phí nhân công	11.962.240.067	14.357.564.329
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.662.724.093	3.264.077.144
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.554.273.547	5.434.730.924
- Chi phí khác	2.740.449.901	2.280.233.923
Cộng	<u>62.809.490.907</u>	<u>97.542.793.064</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường tại các ngân hàng	223.589.588.055	207.903.476.398
Tiền thu từ đi vay của các cá nhân	2.409.989.000	4.650.000.000
Cộng	<u>225.999.577.055</u>	<u>212.553.476.398</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường tại các ngân hàng	(200.801.269.728)	(200.055.792.795)
Tiền trả nợ vay của các cá nhân	(7.409.989.000)	(4.970.000.000)
Cộng	<u>(208.211.258.728)</u>	<u>(205.025.792.795)</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	<u>Mối liên kết</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
		Bán hàng	41.914.554.716
Công ty TNHH MTV Kính Phú Phong	Công ty con	Chi phí gia công	549.187.941
		Mua hàng	<u>11.349.616.863</u>

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	<u>Mối liên kết</u>	<u>Số dư</u>	<u>Phải thu/(Phải trả)</u>
		Tạm ứng	484.239.571
Ban Giám Đốc		Phải trả tiền mượn	(1.114.880.000)
		Phải thu	<u>3.000.000.000</u>
Công ty TNHH MTV Kính Phú Phong	Công ty con	Phải trả	
		Phải thu	<u>5.008.996.982</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Số liệu so sánh

Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.232.607.910	483.945.655	1.232.607.910	483.945.655
Trả trước người bán	466.260.204	157.965.055	466.260.204	157.965.055
Phải thu khách hàng	15.239.962.986	13.726.930.403	15.239.962.986	13.726.930.403
Phải thu khác	3.973.543.445	624.490.126	3.973.543.445	624.490.126
Cộng	20.912.374.545	14.993.331.239	20.912.374.545	14.993.331.239
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	112.764.670.098	89.976.351.771	112.764.670.098	89.976.351.771
Phải trả cho người bán	11.847.079.001	10.427.478.335	11.847.079.001	89.976.351.771
Người mua trả tiền trước	1.271.585.169	1.507.966.522	1.271.585.169	1.507.966.522
Các khoản phải trả khác	14.697.695.686	16.082.434.690	14.697.695.686	16.082.434.690
Cộng	140.581.029.954	117.994.231.318	140.581.029.954	117.994.231.318

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng

- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

5.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

5.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	112.588.135.376	176.535.722	-	112.764.670.098
Phải trả cho người bán	11.847.079.001	-	-	11.847.079.001
Các khoản phải trả khác	14.697.695.686	-	-	14.697.695.686
Cộng	139.132.910.063	176.535.722	-	139.309.445.785
Số đầu năm				
Vay và nợ	65.639.817.049	24.336.534.722	-	89.976.351.771
Phải trả cho người bán	10.427.478.335	-	-	10.427.478.335
Các khoản phải trả khác	16.082.434.690	-	-	16.082.434.690
Cộng	92.149.730.074	24.336.534.722	-	116.486.264.796

6. Tài sản đảm bảo

- Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 635689, số vào sổ cấp GCN: CT35904 do UBND TPHCM cấp ngày 14/7/2014 tại địa chỉ Lô số 4, đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TPHCM;
- Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty con là Quyền sử dụng đất KCN Mỹ Phước, nhà xưởng, văn phòng, các công trình phụ, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các trang thiết bị hình thành trong tương lai (hình thành từ vốn vay)
- Nợ phải thu luân chuyển;
- Hàng tồn kho luân chuyển;

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Vào ngày 27 tháng 08 năm 2015, Công ty có con (Công ty TNHH MTV Kính Phú Phong) có thông báo số 01/TB-PS của Tòa án Nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương về việc xin giải thể Công ty với lý do

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

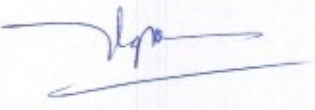
Doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả. Điều này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối năm tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các Điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016.

Người lập biểu



Kế toán trưởng

TRẦN CAO SƠN

Giám đốc



TRẦN VĨ QUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô số 4 đường B, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (1)	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (2)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	73.425.000.000	6.661.465.980	(2.020.632.420)	6.012.254.593	4.120.107.023	(32.528.658.727)	55.669.536.449
- Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	(19.034.846.009)	(19.034.846.009)
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	611.365.374	611.365.374
Số dư cuối năm trước	73.425.000.000	6.661.465.980	(2.020.632.420)	6.012.254.593	4.120.107.023	(52.174.870.110)	36.023.325.066
Trình bày lại theo TT 200/2014 – BTC	-	-	-	4.120.107.023	(4.120.107.023)	-	-
Số dư đầu năm nay	73.425.000.000	6.661.465.980	(2.020.632.420)	10.132.361.616	-	(52.174.870.110)	36.023.325.066
- Tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	(24.356.268.142)	(24.356.268.142)
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	-	-	-	-	(24.356.268.142)	(24.356.268.142)
+ Tăng từ lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	73.425.000.000	6.661.465.980	(2.020.632.420)	10.132.361.616	-	(76.531.138.249)	11.667.056.927

Người lập biểu



Kế toán trưởng



TRẦN CAO SON

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

